

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS-ST
Ngày: 30-3-2023.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Liềm;
2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Thị Xà Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 30/3/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.

Người theo pháp luật là ông Phạm Doãn Sơn - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Trụ sở chính: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà Thaihodings Tower, số 210, đường T, phường Tr, Quận H, Thành phố H. Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Doãn S là ông Trần Hữu T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh H.

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Trần Hữu T là ông Nguyễn Hùng Tr, sinh năm 1989, Chức vụ: Chuyên viên - Phòng hỗ trợ hoạt động tại Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh H.

Địa chỉ: Số 32, đường Ng, phường 1, thành phố V, tỉnh H.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1973 và bà Thị Đ, sinh năm 1975 (đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần B

và người đại diện theo ủy quyền lại ông Nguyễn Hùng Tr trình bày: Vào ngày 08/02/2021 ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ có đến Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh H vay số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số HĐTD 802202100172 ký ngày 08/02/2021; Mục đích vay: Bổ sung vốn nuôi tôm; thời hạn vay là 11 tháng; Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 11,5%/năm. Phương thức áp dụng lãi suất: Áp dụng lãi suất cố định theo phương thức lãi suất định kỳ thay đổi trong thời hạn cho vay. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả lãi. Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả gốc cuối kỳ vào ngày 07/01/2022. Kỳ hạn trả lãi: Trả định kỳ 03 tháng/lần. Khoản vay trên đã quá hạn kể từ ngày 07/01/2022. Từ khi vay đến nay ông D, bà Đ đã trả được số tiền gốc cho Ngân hàng là 97.000.024 đồng vào ngày 30/12/2021 thì ngưng đến nay. Hiện nay hồ sơ vay đã quá hạn từ ngày 07/01/2022 nên Ngân hàng có yêu cầu ông D, bà Đ trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông D, bà Đ không thực hiện để kéo dài đến nay

Nay, Ngân hàng TMCP B yêu cầu ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ phải thanh toán số tiền vốn gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/3/2023 là 40.944.397 đồng (trong đó: Nợ gốc 29.999.936đ, lãi trong hạn 1.451.687đ, lãi quá hạn gốc 9.314.992đ và lãi phạt chậm trả 177.782đ) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng số HĐTD 802202100172 ký ngày 08/02/2021. Trường hợp ông D, bà Đ không thanh toán được toàn bộ nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản khác và nguồn thu hợp pháp của ông Diễn, bà Đ để thanh toán hết toàn bộ nợ của ông D, bà Đ tại Ngân hàng TMCP B.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ là đồng bị đơn không có mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến nay ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ không có mặt ở địa phương, được chính quyền địa phương xác nhận ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ nhưng đi đi về về địa phương thường xuyên, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết đúng theo qui định tại Điều 179, 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ vẫn không có mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ trong vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định còn bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cũng còn một số vi phạm như: Vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nên đề nghị Tòa án khắc phục sau này.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy

định của pháp luật Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc và lãi tính đến ngày 30/3/2023 là 40.944.397 đồng (trong đó: Nợ gốc 29.999.936đ, lãi trong hạn 1.451.687đ, lãi quá hạn gốc 9.314.992đ và lãi phạt chậm trả 177.782đ) cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Trường hợp ông D, bà Đ không thanh toán được toàn bộ nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản khác và nguồn thu hợp pháp của ông D, bà Đ để thanh toán hết toàn bộ nợ của ông D, bà Đ tại Ngân hàng TMCP B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B với ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ là tranh chấp về dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ là đồng bị vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ được tổng đạt hợp lệ vắng mặt mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng đến ngày xét xử là ngày 30/3/2023 thì ông D và bà Đ còn nợ tiền lãi là 10.944.461 đồng. Việc tính lãi của Ngân hàng là đúng thỏa thuận trong hợp đồng vay và phù hợp với qui định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ phải trả cho Ngân hàng tổng vốn gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 30/3/2023 là 40.944.397đ (bốn mươi triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng).

[3] Xét về hợp đồng tín dụng số HĐTD 802202100172 ngày 08/02/2021 giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 14/4/2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ không thực hiện đúng

cam kết nên hợp đồng vay cho đến nay bên vay là ông Diện và bà Đ đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông D và bà Đ phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho ngân hàng là phù hợp.

[4] Do hợp đồng tín dụng số HĐTD 802202100172 ngày 08/02/2021 là hợp đồng tín chấp nhưng ông Diện và bà Đ không thanh toán được nghĩa vụ nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản khác và nguồn thu hợp pháp của ông D và bà Đ để thanh toán hết toàn bộ nợ của ông D và bà Đ tại Ngân hàng TMCP B. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần phần B yêu cầu xử lý tài sản khác và nguồn thu hợp pháp của ông D và bà Đ để đảm bảo việc thu hồi nợ là có căn cứ và đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng. Đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần phần B yêu cầu ông D và bà Đ tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết và phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016Al của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ là bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, khi ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ thực hiện giao dịch với ngân hàng thì ông, bà có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông, bà cư trú, hiện nay ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên nên theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng pháp luật. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng Dân sự nhưng ông D, bà Đ không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của ông, bà. Từ đó, cho thấy ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ theo qui định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần B và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ phải trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông D, bà Đ không thanh toán được toàn bộ nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản khác và nguồn thu hợp pháp của ông D, bà Đ để thanh toán hết toàn bộ nợ của ông D, bà Đ tại Ngân hàng TMCP B nên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, buộc ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ phải trả cho Ngân hàng tổng vốn gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 30/3/2023 là 40.944.397đ (bốn mươi triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng).

[7] Về án phí DSST có giá ngạch: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của ngân hàng được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà Ngân hàng TMCP B đã nộp là 910.000đ (chín trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008980 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: $40.944.397đ \times 5\% = 2.047.219,85$ đồng làm tròn 2.047.000đ (hai triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ.

Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền là 40.944.397 đồng (bốn mươi triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng) (trong đó: Nợ gốc 29.999.936đ, lãi trong hạn 1.451.687đ, lãi quá hạn gốc 9.314.992đ và lãi phạt chậm trả 177.782đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HĐTD 802202100172 ngày 08/02/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số HĐTD 802202100172 ngày 08/02/2021, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ B thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang kê biên, phát mãi các tài sản khác và nguồn thu hợp pháp của ông D, bà Đ để đảm bảo việc thu hồi nợ.

2. Án phí DSST là: tròn 2.047.000đ (hai triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng), buộc ông Nguyễn Văn D và bà Thị Đ phải nộp.

Ngân hàng TMCP B đã nộp là 910.000đ (chín trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008980 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 30/3/2023.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hoài Thanh